

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Nguyễn Tấn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2024/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích D; Sinh năm: 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quốc H; Sinh năm: 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/3/2021. Quá

trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hôn nhân không thể kéo dài nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Quốc T - sinh ngày 08/12/2020 hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Quốc H trình bày:*

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị D về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh H cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc T - sinh ngày 08/12/2020 hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bích D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Quốc H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh H có nơi cư trú tại khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/3/2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được nữa. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cha mẹ Hai bên có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Xét thấy, trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để anh chị có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị đều không muốn đoàn tụ và thống nhất ly hôn. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc T - sinh ngày 08/12/2020 đang ở với anh H. Xét thấy cháu T còn nhỏ đang sinh sống ổn định với anh H, việc giao cháu cho chị D sẽ làm xáo trộn tâm lý và tình cảm của cháu. Bên cạnh đó, xét điều kiện sống hiện tại của anh H thuận lợi cho việc học hành và sinh hoạt của cháu T nên cần giao cháu T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, do anh H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị D và anh H đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị D đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích D về việc ly hôn với anh Lê Quốc H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn với anh Lê Quốc H.

Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T - sinh ngày 08/12/2020 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Ngày 24/6/2024 chị D có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016302 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND phường An Bình B, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Phạm Lan Chi**